

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 160/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 12 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và
cấp dưỡng cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Kim Ngân.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 465/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 137/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1985; địa chỉ ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Mai Chí T, sinh năm 1986; địa chỉ ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 8 năm 2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Mai Chí T tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 03/3/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 14 năm, đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm, chăm sóc vợ con, bỏ mặc đời sống chung của vợ chồng. Mặc dù, chị đã nhiều lần khuyên nhủ anh T nhưng không đạt kết quả, trái lại anh T còn lớn tiếng cự

cải dẫn đến mất hạnh phúc. Nên chị và anh T sống ly thân từ tháng 6/2024 cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh T có với nhau hai con chung tên Mai Thảo N, sinh ngày 27/3/2010 và Mai Chí H, sinh ngày 10/4/2019, hiện các cháu do chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu H, yêu cầu anh T cấp dưỡng cho mỗi cháu hàng tháng số 1.725.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 25/12/2024 cho đến khi cháu N, cháu H đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh Mai Chí T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về phạm vi xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét ngoài yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con như nhận định giải quyết tại các mốc đơn [1], [2] “*Về nội dung*” thì các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3] Về thủ tục xét xử: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị L, anh T là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét nguyên nhân mâu thuẫn

dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc là do anh T không thủy chung, không quan tâm, chăm sóc vợ con, bỏ mặc đời sống chung của vợ chồng, là vi phạm nghiêm trọng tình nghĩa - nghĩa vụ vợ chồng. Chị L và anh T có thời gian sống ly thân từ tháng 6/2024 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của chị L. Căn cứ vào lời trình bày của chị L và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị L và anh T.

[2] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

[2.1] Xét cháu N đã trên 14 tuổi và có nguyện vọng được sống chung với chị L, cháu H đã trên 05 tuổi, hiện các cháu đều do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có văn bản trình bày ý kiến phản đối hoặc đề nghị giải quyết gì khác đối với yêu cầu của chị L. Để ổn định môi trường sống, học tập, quyền lợi về mọi mặt của hai cháu và nguyện vọng của cháu N. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu N, cháu H cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.2] Xét mức yêu cầu cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng, thời hạn cấp dưỡng cho cháu N, cháu H do chị L đưa ra là phù với thu nhập, khả năng thực tế của anh T và nhu cầu thiết yếu của cháu N, cháu H. Căn cứ vào khoản 2 Điều 82, các điều 110, 116, 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình; áp dụng các khoản 2, 3 và 4 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N, cháu H mỗi cháu hàng tháng số tiền 1.725.000 đồng, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 25/12/2024 cho đến khi cháu N, cháu H đủ 18 tuổi.

[2.3] Xét anh T là người không trực tiếp nuôi con. Căn cứ vào khoản 3 Điều 82, Điều 83 Tòa án giải quyết anh L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2], [3] “*Về tố tụng*” và các mốc đơn [1], [2] “*Về nội dung*”, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm:*** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết:

[1] Chị L phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2] Buộc anh T phải chịu án phí giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng cho con số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, các điều 83, 110, 116, 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 5, khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 188, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng các khoản 2, 3 và 4 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Mai Chí T.

2. Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Mai Thảo N, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2010 và cháu Mai Chí H, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2019 cho chị Phạm Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Buộc anh Mai Chí T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Mai Thảo N và cháu M Chí Hiếu mỗi cháu hàng tháng số tiền 1.725.000 (Một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2024 cho đến khi cháu N, cháu H đủ 18 (Mười tám) tuổi.

2.3. Anh Mai Chí T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc chị Phạm Thị L phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số N_Q 0014503 ngày 10 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

4.2. Buộc anh Mai Chí T phải nộp án phí giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng cho con số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Phạm Thị L; vắng mặt anh Mai Chí T. Báo cho chị L có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh T vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân